TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18/01/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng

2. Ông Lê Xuân Tiếu

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ma Đình H, sinh năm 1989.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; (các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2020, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Ma Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M qua thời gian tìm hiểu tự nguyện, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 01/4/2014. Sau khi kết hôn anh H và chị M chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H tại Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu

cho đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh H xác định là do tính cách anh chị không hợp nhau, vợ chồng chung sống thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ và hay ghen tuông dẫn đến thường xuyên cãi vã, anh cảm thấy mệt mỏi và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân này, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị có được hai bên gia đình hòa giải nhưng bản thân anh nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn. Anh H và chị M đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện anh H và chị M đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Hoàng Thị M.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị M có 02 con chung là cháu Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 và cháu Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019; nay ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A; do cháu Hoài A chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Hai bên không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H đăng ký kết hôn tại UBND xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang ngày 01/4/2014. Trước khi kết hôn chị M và anh H được tự do tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép, lừa dối kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống tại Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang được một tháng thì cùng nhau đi làm ăn xa ở Hà Nội, quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, đến tháng 9 năm 2020 chị về nhà bố mẹ chồng tại Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa sinh sống và sinh cháu Hoài A, đến tháng 3 năm 2020 chị M nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng chị không có căn cứ chứng minh và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay, anh H không về thăm vợ, con. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị M nhận thấy bản thân chị không có sai sót gì trong gia đình và tình cảm vợ chồng chị M dành cho anh H vẫn còn, chị M không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 và cháu Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019. Nếu trường hợp anh H cương quyết ly hôn và được Tòa án chấp nhận, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^{đ} *(một triệu đồng)* /cháu/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình như trong bản tự khai, biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; chị M nhất trí ly hôn; về nuôi con chung: Anh H có nguyện

vọng được trực tiếp nuôi dưỡng Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 và không yêu cầu cấp dưỡng; chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 và Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019 yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000^{đ} *(một triệu đồng)* /cháu/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:* Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M. Về con chung: Giao cháu Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 16/04/2014 cho anh Ma Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Đình H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Anh Ma Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với chị Hoàng Thị M, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; chị Hoàng Thị M có hộ khẩu thường trú tại Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2014 tại UBND xã MQ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh H cho rằng cuộc sống vợ chồng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn

nhau và xảy ra ghen tuông. Còn chị M cho rằng, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, đến tháng 3 năm 2020 thì chị nghi ngờ anh H có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, anh H không quan tâm, chăm sóc vợ, con từ tháng 3 năm 2020 và chị M nhận thấy mình không có sai sót gì trong cuộc sống gia đình. HĐXX thấy rằng, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của nguyên đơn và bị đơn về thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đương sự đều xác định đã không còn có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, thực tế cuộc sống vợ chồng đã không tồn tại từ đó; giữa anh H và chị M đã không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống gia đình. Anh Ma Đình H xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị M nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M.

[2.2] Về con chung: Anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M có 02 con chung là Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 và Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019; trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng A, còn cháu Hoài A chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là 1.000.000^{đ} *(một triệu đồng)*/cháu/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của cả hai đương sự đều chính đáng; anh H và chị M là lao động tự do, theo lời khai của các đương sự về mức thu nhập hiện tại của bản thân, anh H khai thu nhập hàng tháng là 15.000.000^{đ}, chị M khai thu nhập hàng tháng là 3.000.000^{đ} nhưng cả anh H và chị M đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho mức thu nhập của mình, do vậy HĐXX không có căn cứ để xem xét. Kết quả xác minh tại địa phương: Thu nhập bình quân đầu người tại xã MQ là 30.370.000^{đ} *(ba mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng)*/người/năm (bao gồm cả nghề Lao động tự do), tương ứng với 2.531.000^{đ} *(hai triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn đồng)*/người/tháng; xác định anh H và chị M không có nhà riêng mà chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H tại Thôn BM, xã MQ, huyện Chiêm Hóa. Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cả hai bên đương sự là ngang nhau, cháu Ma Hoài A hiện đang dưới 36 tháng tuổi cần giao cho người mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu cần giao cho mỗi đương sự trực tiếp nuôi một cháu là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình; cần giao cháu Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 cho anh Ma Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Ma Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Ma Đình H và chị Hoàng Thị M.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Đình Hoàng A, sinh ngày 10/6/2014 cho anh Ma Đình H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Ma Hoài A, sinh ngày 28/9/2019 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Ma Đình H phải nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0002936, ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Ma Đình H đã thi hành xong phần án phí. Chị Hoàng Thị M không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (18/01/2021)./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã MQ,
huyện Chiêm Hóa, Tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Hạnh Quỳnh